TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 05 - 9 – 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Kim Ngọc Đ, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Sóc Trăng - Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 31/7/2023 nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày: Vào năm 2012, bà Lâm Thị T và ông Kim Ngọc Đ tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2012 ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn, bà T và ông Đ sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do mâu thẫn trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, bà Lâm Thị T và ông Kim Ngọc Đ có 02 người con chung tên Kim Thị Bích T, sinh ngày 27/02/2010 và Kim Quốc K, sinh

ngày 09/4/2013 hiện nay sống chung với bà T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Lâm Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Kim Ngọc Đ; về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023 bị đơn ông Kim Ngọc Đ: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Thị T về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, con chung tài sản chung và nợ chung đúng như bà T trình bày.

Nay ông Kim Ngọc Đ thống nhất ly hôn; về con chung thống nhất theo nguyện vọng của con, nếu con chung sống với bà T thì ông Đ không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu. Do đang bị tạm giam nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lâm Thị T và ông Kim Ngọc Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị T; giao cháu Kim Thị Bích T và cháu Kim Quốc K cho bà Lâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị T và bị đơn ông Kim Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lâm Thị T và ông Kim Ngọc Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 116/2012 ngày 10/10/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông Đ đều xác định nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và sau khi sống ly thân thì bà T và ông Đ không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà T

và ông Đ đoàn tụ với nhau nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông Đ vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà T và ông Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Lâm Thị T xin ly hôn với ông Kim Ngọc Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Kim Ngọc Đ.

[3] Về con chung: Bà Lâm Thị T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông Kim Ngọc Đ có 02 người con chung là Kim Thị Bích T, sinh ngày 27/02/2010 và Kim Quốc K, sinh ngày 09/4/2013; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà T và ông Đ sống ly thân cho đến nay cháu Tuyền và cháu K do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ thống nhất theo nguyện vọng của con chung và khi ghi nhận ý kiến thì cháu Tuyền và cháu K có nguyện vọng sống chung với bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Tuyền và cháu K, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Tuyền và cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Kim Ngọc Đ mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Kim Ngọc Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Kim Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Kim Ngọc Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Kim Thị Bích T, sinh ngày 27/02/2010 và Kim Quốc K, sinh ngày 09/4/2013 cho bà Lâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Kim Ngọc Đ không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Đ mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Kim Ngọc Đ không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010037 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lâm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Kim Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Tài Văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung